

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN
CÔNG VIÊN PHẦN MỀM QUANG TRUNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT ÚC ("VAAL")

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN CÔNG VIÊN PHẦN MỀM QUANG TRUNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

NỘI DUNG	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07 - 07
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08 - 08
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09 - 25



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN CÔNG VIÊN PHẦN MỀM QUANG TRUNG

Số 97 - 101 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Công ty TNHH Một thành viên Phát triển Công viên Phần mềm Quang Trung được thành lập theo quyết định số 26/QĐ-UB ngày 19 tháng 01 năm 1993 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300591882 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 01 tháng 10 năm 2010 (cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh gốc số 4106000274 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 08 năm 2006) và thay đổi lần thứ 5 ngày 29 tháng 09 năm 2015.

Công ty TNHH Một thành viên Phát triển Công viên Phần mềm Quang Trung (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Hội đồng thành viên

Ông Trần Hữu Dũng

Ông Lâm Nguyễn Hải Long

Chức vụ

Chủ tịch Hội đồng thành viên

Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lâm Nguyễn Hải Long

Ông Vũ Quang

Ông Hoàng Minh Trí

Bà Phạm Thị Kim Phượng

Chức vụ

Giám đốc

Phó Giám đốc

Phó Giám đốc

Phó Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Ông Lâm Nguyễn Hải Long

Kiểm toán độc lập:

Công ty TNHH Kiểm toán Việt Úc

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở doanh nghiệp hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc nhận định rằng không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường nào phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến các báo cáo tài chính của Công ty của năm tài chính hiện hành.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN CÔNG VIÊN PHẦN MỀM QUANG TRUNG

Số 97 - 101 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Một số chỉ số đánh giá tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

Chi tiêu	Số Đầu Năm	Số Cuối Năm
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn		
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản (%)		
- Tài sản dài hạn / Tổng Tài sản	61,26%	70,33%
- Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	38,74%	29,67%
1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn (%)		
- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	53,78%	46,23%
- Vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn Vốn	46,22%	53,77%
2. Khả năng thanh toán		
2.1 Khả năng thanh toán hiện hành (lần)	3,30	5,02
2.2 Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (lần)	1,28	1,49
2.3 Khả năng thanh toán nhanh (lần)	0,30	0,72
3. Tỷ suất sinh lời		
	Năm nay	Năm trước
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	12,42	12,59
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	9,93	10,06
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	7,39	7,78
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	5,90	6,22
3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	12,77	11,57

Phê duyệt báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính đính kèm được trình bày từ trang 05 đến trang 25, báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thay mặt Ban Giám đốc **LÂM NGUYỄN HẢI LONG**

Giám đốc

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN CÔNG VIÊN PHẦN MỀM QUANG TRUNG

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công Ty TNHH Một Thành Viên Phát Triển Công Viên Phần Mềm Quang Trung ("Công ty") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2021, từ trang 05 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm Toán Viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Phát triển Công viên Phần mềm Quang Trung tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

016-
TY
H
TOÁN
ÚC
C

Vấn đề khác

Công ty có sở hữu một công ty con. Báo cáo tài chính này là báo cáo tài chính riêng của Công ty, không phải là báo cáo tài chính hợp nhất các thông tin tài chính của Công ty và Công ty con.

Quý lương thực hiện, số liệu trích lập các quỹ, lợi nhuận chuyển về Công ty mẹ tối hậu (đồng thời ảnh hưởng đến khoản mục phải trả khác trên Báo cáo tài chính) là số ước tính dựa trên kết quả kinh doanh hiện tại của Công ty. Số liệu cuối cùng có thể thay đổi khi có quyết định chính thức từ Công ty mẹ tối hậu.

Tp. Hồ Chí Minh, Ngày 07 tháng 03 năm 2022

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT ÚC



Lê Quốc Hữu

Phó Tổng Giám Đốc

GCNĐKHNTK số: 0209-2018-160-1

Nguyễn Lưu Kim Ngân

Kiểm toán viên

GCNĐKHNTK số: 3571-2021-160-1



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN CÔNG VIÊN PHẦN MỀM QUANG TRUNG

Số 97 - 101 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Mẫu số B01-DN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		219.575.562.569	157.492.754.059
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	50.821.382.637	76.474.461.976
Tiền	111		18.821.382.637	21.474.461.976
Các khoản tương đương tiền	112		32.000.000.000	55.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		145.815.124.184	68.016.844.427
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	137.446.180.443	57.166.204.965
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	1.632.162.910	3.555.579.918
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04a	6.826.201.068	7.384.479.781
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.02	(89.420.237)	(89.420.237)
Hàng tồn kho	140		36.190.260	80.422.800
Hàng tồn kho	141		36.190.260	80.422.800
Tài sản ngắn hạn khác	150		22.902.865.488	12.921.024.856
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11a	22.465.512.702	12.456.562.053
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	464.462.803
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		437.352.786	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		347.262.551.942	373.344.933.669
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.336.000.000	7.336.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	V.04b	1.336.000.000	7.336.000.000
Tài sản cố định	220		249.758.548.201	246.844.533.956
Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	243.088.750.675	240.558.083.519
Nguyên giá	222		570.333.523.702	535.374.772.855
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(327.244.773.027)	(294.816.689.336)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.07	4.407.664.970	5.039.028.602
Nguyên giá	225		6.313.636.364	6.313.636.364
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.905.971.394)	(1.274.607.762)
Tài sản cố định vô hình	227	V.08	2.262.132.556	1.247.421.835
Nguyên giá	228		16.824.058.612	15.059.397.612
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(14.561.926.056)	(13.811.975.777)
Bất động sản đầu tư	230	V.05	24.233.433.601	25.602.460.141
Nguyên giá	231		51.183.306.458	51.183.306.458
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(26.949.872.857)	(25.580.846.317)
Tài sản dở dang dài hạn	240	V.09	64.251.833.250	80.361.209.898
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		64.251.833.250	80.361.209.898
Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10	535.000.000	535.000.000
Đầu tư vào công ty con	251		85.000.000	85.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		450.000.000	450.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		7.147.736.890	12.665.729.674
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11b	7.147.736.890	12.665.729.674
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		566.838.114.511	530.837.687.728

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN CÔNG VIÊN PHẦN MỀM QUANG TRUNG

Số 97 - 101 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Mẫu số B01-DN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
NỢ PHẢI TRẢ	300		304.823.862.066	245.404.336.489
Nợ ngắn hạn	310		171.560.959.554	105.848.281.788
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	62.973.974.746	44.863.216.652
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		690.480.526	417.020.781
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	11.111.472.036	2.797.824.388
Phải trả người lao động	314		22.728.798.467	20.539.788.801
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	5.154.472.329	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		386.484.617	497.726.533
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	24.918.120.065	1.325.549.743
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	22.346.761.180	16.858.761.180
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		21.250.395.588	18.548.393.710
Nợ dài hạn	330		133.262.902.512	139.556.054.701
Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	13.367.928.695	18.882.336.072
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	106.940.977.008	109.255.081.446
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.17c	12.953.996.809	11.418.637.183
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		262.014.252.445	285.433.351.239
Vốn chủ sở hữu	410	V.17a	217.070.405.843	240.489.504.637
Vốn góp của chủ sở hữu	411		154.779.000.000	154.779.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		-	9.906.122.638
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	13.995.286.156
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		-	13.995.286.156
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		62.291.405.843	61.809.095.843
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		44.943.846.602	44.943.846.602
Nguồn kinh phí	431	V.18	44.943.846.602	44.943.846.602
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		566.838.114.511	530.837.687.728

Ngày 31 tháng 12 năm 2021


ĐOÀN THỊ TUYẾT NHUNG

Người lập biểu


ĐẶNG NGUYỄN KIM TÙNG

Kế toán trưởng

**LÂM NGUYỄN HẢI LONG**

Giám đốc

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN CÔNG VIÊN PHẦN MỀM QUANG TRUNG

Số 97 - 101 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu số B02-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	337.174.373.132	328.179.323.850
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		337.174.373.132	328.179.323.850
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	263.297.669.556	257.848.740.858
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		73.876.703.576	70.330.582.992
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	1.271.982.715	2.821.697.516
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	6.306.987.251	4.607.515.405
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		6.255.877.723	4.597.851.500
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6a	3.890.333.563	4.480.066.516
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6b	23.541.438.777	23.591.991.834
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		41.409.926.700	40.472.706.753
11. Thu nhập khác	31	VI.7	481.449.042	872.517.339
12. Chi phí khác	32		15.444.517	33.632.207
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		466.004.525	838.885.132
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		41.875.931.225	41.311.591.885
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	8.404.563.038	8.291.183.091
16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		33.471.368.187	33.020.408.794

Ngày 31 tháng 12 năm 2021


ĐOÀN THỊ TUYẾT NHUNG

Người lập biểu


ĐẶNG NGUYỄN KIM TÙNG

Kế toán trưởng

**LÂM NGUYỄN HẢI LONG**

Giám đốc

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN CÔNG VIÊN PHẦN MỀM QUANG TRUNG

Số 97 - 101 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B03-DN*(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I - Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
- Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		290.136.331.534	417.348.149.710
- Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(222.246.582.839)	(246.894.744.878)
- Tiền chi trả cho người lao động	03		(33.330.473.004)	(33.700.263.929)
- Tiền lãi vay đã trả	04		(11.529.574.926)	(13.620.332.697)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(6.336.045.296)	(7.994.094.400)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		17.266.820.868	47.606.147.871
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(18.122.277.057)	(52.506.803.747)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		15.838.199.280	110.238.057.930
II - Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(31.840.036.286)	(61.471.215.085)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		33.090.909	116.364.937
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.188.166.880	2.653.437.805
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(30.618.778.497)	(58.701.412.343)
III - Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
- Tiền thu từ đi vay	33		22.686.656.742	-
- Tiền trả nợ gốc vay	34		(18.518.000.000)	(20.422.782.051)
- Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(994.761.180)	(994.761.180)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(13.995.286.156)	(7.231.706.059)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(10.821.390.594)	(28.649.249.290)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(25.601.969.811)	22.887.396.297
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		76.474.461.976	53.596.729.584
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(51.109.528)	(9.663.905)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		50.821.382.637	76.474.461.976

Ngày 31 tháng 12 năm 2021


ĐOÀN THỊ TUYẾT NHUNG

Người lập biểu


ĐẶNG NGUYỄN KIM TÙNG

Kế toán trưởng

**LÂM NGUYỄN HẢI LONG**

Giám đốc

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN CÔNG VIÊN PHẦN MỀM QUANG TRUNG

Số 97 - 101 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B09-DN*(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH Một thành viên Phát triển Công viên Phần mềm Quang Trung được thành lập theo quyết định số 26/QĐ-UB ngày 19 tháng 01 năm 1993 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300591882 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 01 tháng 10 năm 2010 (cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh gốc số 4106000274 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 08 năm 2006) và thay đổi lần thứ 5 ngày 29 tháng 09 năm 2015.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty TNHH Một thành viên với 100% vốn nhà nước

Chủ sở hữu: Tổng Công Ty Công Nghiệp Sài Gòn - Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên

GCNDKDN: 0300713668

Địa chỉ: 58-60 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ đăng ký: 154.779.000.000 VND

Trụ sở chính: Số 97 - 101 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tại thời điểm 31 tháng 12

2021

2020

Số lượng nhân viên

141

143

2. Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại - Bất động sản**3. Ngành nghề kinh doanh**

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tổ chức khai thác hạ tầng kỹ thuật viễn thông, nhà hàng phụ vụ ăn uống, mua bán và nước sinh hoạt;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- Hoạt động viễn thông khác. Chi tiết: Dịch vụ ứng dụng internet trong viễn thông (OSP viễn thông). Dịch vụ truy nhập internet (ISP).

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 12 tháng**5. Cấu trúc doanh nghiệp****a. Danh sách các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021**

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH ươm tạo Doanh Nghiệp Phần mềm Quang Trung	Tòa nhà SBI, Công viên phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh	85,00%	85,00%	85,00%

b. Danh sách các công ty liên doanh, liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty CP Dịch vụ Thương mại Phần mềm Quang Trung	Nhà 6A, Công viên phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh	30,00%	30,00%	30,00%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B09-DN

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị sử dụng Đồng Việt Nam (VND) trong hạch toán kế toán và trình bày báo cáo tài chính.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Các báo cáo tài chính được soạn lập dựa theo nguyên tắc giá gốc và cơ sở dồn tích.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành.

Các nguyên tắc và thực hành kế toán áp dụng tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

a. Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong báo cáo kết quả kinh doanh.

b. Đối với đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, Công ty đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ như sau:

+ Các khoản tiền, nợ phải thu: Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại nơi Công ty mở tài khoản, thường xuyên giao dịch trong năm tài chính.

+ Các khoản nợ phải trả: Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại nơi Công ty mở tài khoản, thường xuyên giao dịch trong năm tài chính.

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại này được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá, số dư cuối cùng sẽ được kết chuyển vào chi phí hay doanh thu tài chính.

c. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính

Thời điểm	Ngân hàng	Tỷ giá mua	Tỷ giá bán
31/12/2020	Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	23.035 VND/USD	Không áp dụng
31/12/2020	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Xuyên Á	23.035 VND/USD	Không áp dụng
31/12/2021	Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	22.640 VND/USD	Không áp dụng
31/12/2021	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Xuyên Á	22.670 VND/USD	Không áp dụng

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN CÔNG VIÊN PHẦN MỀM QUANG TRUNG

Số 97 - 101 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B09-DN

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư được xác định theo giá mua thực tế.

Đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết

- Đầu tư vào công ty con là khoản đầu tư mà thông qua đó Công ty có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động;
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết là khoản đầu tư mà thông qua đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể mà không kiểm soát đối với chính sách tài chính và hoạt động;
- Trong báo cáo tài chính riêng của Công ty, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc, không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư.
- Các khoản lợi nhuận từ hoạt động đầu tư được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty khi có quyết định chính thức về việc phân chia lợi nhuận của hội đồng quản trị (hoặc đại hội đồng cổ đông), hội đồng thành viên của công ty con hoặc công ty liên doanh, liên kết.

4. Nguyên tắc kế toán khoản phải thu

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

6. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định hữu hình

a. Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản.

016
CÔNG TY
TỔNG
TOÁN
HỒ C

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN CÔNG VIÊN PHẦN MỀM QUANG TRUNG

Số 97 - 101 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B09-DN

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

b. Khấu hao.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 50 năm
- Máy móc thiết bị	03 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10 năm

7. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

8. Bất động sản đầu tư

a. Nguyên giá

Bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban quản lý.

b. Khấu hao.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Bất động sản khác	05 - 35 năm
-------------------	-------------

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng chưa hoàn thành.

10. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi tiêu thực tế đã phát sinh và mang lại lợi ích cho hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí này được phân bổ như sau:

a. Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

b. Chi phí khác

Chi phí khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 2 năm.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Vay là các khoản tiền nợ tiền vay của doanh nghiệp, bao gồm các khoản tiền vay Ngân hàng, vay của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài doanh nghiệp;

Nợ thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê, trừ (-) số nợ phải trả kỳ này, cộng (+) số thuế GTGT bên thuê còn phải trả dẫn trong suốt thời hạn thuê.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN CÔNG VIÊN PHẦN MỀM QUANG TRUNG

Số 97 - 101 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B09-DN

*(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong khoảng thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng.

Chi phí vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các chi phí hoạt động đã phát sinh trong kỳ kế toán nhưng chưa được thanh toán. Các chi phí này được ghi nhận trên cơ sở dồn tích.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp bằng tiền của chủ sở hữu được ghi nhận trên cơ sở thực góp.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp, hoặc doanh thu từ các dịch vụ cung cấp được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

b. Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

c. Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

d. Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

17. Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN CÔNG VIÊN PHẦN MỀM QUANG TRUNG

Số 97 - 101 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B09-DN*(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tiền và các khoản tương đương tiền		
Tiền mặt tại quý	3.779.670.808	4.571.405.393
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.041.711.829	16.903.056.583
<i>Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - VND</i>	<i>12.112.162.075</i>	<i>13.921.789.230</i>
<i>Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - Ngoại tệ</i>	<i>2.929.549.754</i>	<i>2.981.267.353</i>
Các khoản tương đương tiền (*)	32.000.000.000	55.000.000.000
Tổng cộng	50.821.382.637	76.474.461.976
(*) Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 1 - 3 tháng.		
2. Phải thu của khách hàng		
Ngắn hạn		
Phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên	118.027.286.634	40.523.586.315
<i>Trung tâm CNTT và Truyền thông TP. Hồ Chí Minh</i>	<i>112.910.892.050</i>	<i>39.108.418.181</i>
<i>Văn phòng Thành ủy TP. Hồ Chí Minh</i>	<i>1.358.410.134</i>	<i>1.415.168.134</i>
<i>Sở Thông Tin và Truyền Thông tỉnh Đắk Lắk</i>	<i>3.757.984.450</i>	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	19.418.893.809	16.642.618.650
Tổng cộng	137.446.180.443	57.166.204.965
Trong đó, Phải thu của khách hàng là các bên liên quan:		
Tổng Công Ty Công Nghiệp Sài Gòn - Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên	115.500.000	115.500.000
Công ty TNHH Ươm tạo Doanh nghiệp Phần mềm Quang Trung	20.867.541	29.067.008
Tổng cộng	136.367.541	144.567.008
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(89.420.237)	(89.420.237)
3. Trả trước cho người bán		
Ngắn hạn		
Trả trước cho người bán chiếm từ 10% trở lên	309.842.500	1.626.425.118
<i>Công Ty Cổ Phần SECURE POWER</i>	-	<i>889.911.990</i>
<i>Công Ty Cổ Phần Truyền Thông Bảo Lợi</i>	-	<i>450.000.000</i>
<i>Công Ty TNHH GLOBAL- SITEM</i>	-	<i>286.513.128</i>
<i>Công ty Cổ Phần Truyền Thông Hồng Dương</i>	<i>309.842.500</i>	-
Trả trước cho người bán khác	1.322.320.410	1.929.154.800
Tổng cộng	1.632.162.910	3.555.579.918

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN CÔNG VIÊN PHẦN MỀM QUANG TRUNG

Số 97 - 101 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B09-DN*(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***4. Phải thu khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số tiền	Dự phòng	Số tiền	Dự phòng
a. Ngắn hạn				
Tạm ứng	262.576.000	-	28.444.500	-
Ký cược, ký quỹ	4.774.427.778	-	6.330.542.798	-
Cổ tức và lợi nhuận được chia	68.950.048	-	65.244.504	-
Phải thu BHXH	57.760.680	-	43.597.413	-
Phải thu khác	1.662.486.562	-	916.650.566	-
Tổng cộng	6.826.201.068	-	7.384.479.781	-
b. Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	1.336.000.000	-	7.336.000.000	-
Tổng cộng	1.336.000.000	-	7.336.000.000	-

5. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**Bất động sản đầu tư cho thuê**

	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Nguyên giá				
Nhà và quyền sử dụng đất	51.183.306.458	-	-	51.183.306.458
Tổng cộng	51.183.306.458	-	-	51.183.306.458
Khấu hao lũy kế				
Nhà và quyền sử dụng đất	25.580.846.317	1.369.026.540	-	26.949.872.857
Tổng cộng	25.580.846.317	1.369.026.540	-	26.949.872.857
Giá trị còn lại				
Nhà và quyền sử dụng đất	25.602.460.141	-	-	24.233.433.601
Tổng cộng	25.602.460.141	-	-	24.233.433.601

Giá trị còn lại của Bất động sản đầu tư dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay:

24.233.433.601



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN CÔNG VIÊN PHẦN MỀM QUANG TRUNG

Số 97 - 101 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B09-DN

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá							
Số dư đầu năm	293.752.231.025	217.814.024.135	23.106.696.140	701.821.555	-	535.374.772.855	
- Mua trong năm	-	34.958.750.847	-	-	-	34.958.750.847	
Số dư cuối năm	293.752.231.025	252.772.774.982	23.106.696.140	701.821.555	-	570.333.523.702	
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	85.183.417.006	193.068.736.670	15.862.714.105	701.821.555	-	294.816.689.336	
- Khấu hao trong năm	7.738.766.544	20.129.646.983	4.559.670.164	-	-	32.428.083.691	
Số dư cuối năm	92.922.183.550	213.198.383.653	20.422.384.269	701.821.555	-	327.244.773.027	
Giá trị còn lại							
- Tại ngày đầu năm	208.568.814.019	24.745.287.465	7.243.982.035	-	-	240.558.083.519	
- Tại ngày cuối năm	200.830.047.475	39.574.391.329	2.684.311.871	-	-	243.088.750.675	
<i>Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình được ngân sách nhà nước cấp trích chi phí khấu hao chỉ theo dõi hao mòn:</i>						26.899.674.099	VND
<i>Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay:</i>						8.524.747.816	VND
<i>Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:</i>						234.828.564.963	VND

MINH H



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN CÔNG VIÊN PHẦN MỀM QUANG TRUNG

Số 97 - 101 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B09-DN*(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***7. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**

Khoản mục	Tài sản cố định hữu hình	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư tại ngày đầu năm	6.313.636.364	6.313.636.364
- Mua trong năm	-	-
Số dư tại ngày cuối năm	6.313.636.364	6.313.636.364
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư tại ngày đầu năm	1.274.607.762	1.274.607.762
- Khấu hao trong năm	631.363.632	631.363.632
Số dư tại ngày cuối năm	1.905.971.394	1.905.971.394
Giá trị còn lại		
- Tại ngày đầu năm	5.039.028.602	5.039.028.602
- Tại ngày cuối năm	4.407.664.970	4.407.664.970

Theo Hợp Đồng Cho Thuê Tài Chính Số 21818000157 ngày 26/10/2018 (Hợp đồng không hủy ngang).

- Tài sản thuê: Máy phát điện đồng bộ

- Giá trị Tài sản chưa VAT: 6.113.636.364 VND

- Thời hạn thuê: 60 tháng

- Công ty cam kết mua lại Tài sản này sau khi kết thúc thời hạn thuê và hoàn thành các nghĩa vụ của bên mua theo hợp đồng.

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư tại ngày đầu năm	15.059.397.612	15.059.397.612
- Mua trong năm	1.764.661.000	1.764.661.000
Số dư tại ngày cuối năm	16.824.058.612	16.824.058.612
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư tại ngày đầu năm	13.811.975.777	13.811.975.777
- Khấu hao trong năm	749.950.279	749.950.279
Số dư tại ngày cuối năm	14.561.926.056	14.561.926.056
Giá trị còn lại		
- Tại ngày đầu năm	1.247.421.835	1.247.421.835
- Tại ngày cuối năm	2.262.132.556	2.262.132.556

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN CÔNG VIÊN PHẦN MỀM QUANG TRUNG

Số 97 - 101 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B09-DN*(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

9. Tài sản dở dang dài hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Xây dựng cơ bản dở dang	64.251.833.250	80.361.209.898
<i>Hoàn thiện hạ tầng Công viên phần mềm Quang Trung 2016</i>	<i>58.172.612.618</i>	<i>58.172.612.618</i>
<i>Mở rộng hệ thống công nghệ thông tin giai đoạn 5</i>	<i>-</i>	<i>18.184.444.456</i>
<i>Nâng cấp, mở rộng hạ tầng công nghệ thông tin 2016</i>	<i>3.829.655.051</i>	<i>2.906.573.251</i>
<i>Mở rộng Công viên phần mềm Quang Trung - Củ Chi</i>	<i>591.931.867</i>	<i>591.931.867</i>
<i>Công viên phần mềm Quang Trung 2 - Nguyễn Kiệm</i>	<i>300.000.000</i>	<i>300.000.000</i>
<i>Công viên trung tâm</i>	<i>-</i>	<i>107.465.888</i>
<i>Trung tâm sinh hoạt cộng đồng</i>	<i>98.181.818</i>	<i>98.181.818</i>
<i>Tòa nhà Văn phòng làm việc và Trung tâm dữ liệu QTSC</i>	<i>882.775.325</i>	<i>-</i>
<i>Hạ tầng CNTT cho Trung tâm dữ liệu</i>	<i>376.676.571</i>	<i>-</i>
Tổng cộng	64.251.833.250	80.361.209.898

10. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá hợp lý	Số tiền	Giá hợp lý
Đầu tư vào công ty con (*)	85.000.000	85.000.000	85.000.000	85.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (**)	450.000.000	450.000.000	450.000.000	450.000.000
Tổng cộng	535.000.000	535.000.000	535.000.000	535.000.000

(*) Công TNHH Ươm Tạo Doanh Nghiệp Phần Mềm Quang Trung (SBI). Tỷ lệ góp vốn 85% vốn điều lệ. Công ty này hoạt động phi lợi nhuận.

(**) Công ty CP dịch vụ thương mại Phần mềm Quang Trung. Tỷ lệ góp vốn 30% vốn điều lệ. Đến thời điểm phát hành báo cáo này chưa xác định được kết quả kinh doanh năm 2021.

11. Chi phí trả trước**a. Ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí mua phần mềm và bản quyền phần mềm	12.415.108.053	6.823.730.966
Công cụ dụng cụ và thiết bị	3.313.433.954	3.753.289.855
Các khoản khác	6.736.970.695	1.879.541.232
Tổng cộng	22.465.512.702	12.456.562.053

b. Dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thuê bản quyền, thiết bị	1.612.427.892	5.564.231.068
Công cụ dụng cụ và thiết bị	1.185.886.886	2.593.383.737
Các khoản khác	4.349.422.112	4.508.114.869
Tổng cộng	7.147.736.890	12.665.729.674

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN CÔNG VIÊN PHẦN MỀM QUANG TRUNG

Số 97 - 101 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B09-DN*(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

12. Phải trả người bán	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn		
Phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên	51.814.488.877	32.955.542.640
<i>Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Công Nghệ Tin Học HPT</i>	<i>19.280.872.675</i>	<i>9.107.576.125</i>
<i>Công ty Cổ Phần Công Nghệ Sao Bắc đẩu Miền Nam</i>	<i>14.142.982.266</i>	<i>8.688.471.786</i>
<i>Công ty Cổ Phần Đầu tư Việt Nam</i>		<i>4.684.531.038</i>
<i>Công ty CP Dịch Vụ Thương Mại Phần Mềm Quang Trung</i>	<i>1.043.064.570</i>	<i>3.534.507.645</i>
<i>Công ty CP Đầu Tư Thương Mại và Phát Triển Công Nghệ FSI</i>	<i>1.027.077.366</i>	<i>1.189.466.231</i>
<i>Công Ty CP Đầu Tư Xây Dựng Thương Mại Nam Thành Long</i>	<i>1.134.448.032</i>	<i>2.048.403.015</i>
<i>Công ty CP Phát Triển Công Nghệ Viễn Thông Tin Học Sun Việt</i>	<i>2.878.865.000</i>	<i>3.702.586.800</i>
<i>Công ty Cổ Phần Công Nghệ MTS</i>	<i>6.776.846.450</i>	-
<i>Chi nhánh Công ty Cổ Phần Phát Triển Phần Mềm và Hỗ Trợ Công Nghệ (TP.Hà Nội)</i>	<i>5.530.332.518</i>	-
Phải trả cho các đối tượng khác	11.159.485.869	11.907.674.012
Tổng cộng	62.973.974.746	44.863.216.652
Trong đó, Phải trả người bán là các bên liên quan		
Công ty CP Dịch Vụ Thương Mại Phần Mềm Quang Trung	1.043.064.570	3.534.507.645
Tổng cộng	1.043.064.570	3.534.507.645

13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Phải nộp (+)/Phải thu, khấu trừ (-)				
Thuế GTGT	(464.462.803)	14.482.828.482	7.692.263.720	6.326.101.959
Thuế nhập khẩu	-			-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	2.712.369.615	8.404.563.038	6.336.045.296	4.780.887.357
Thuế thu nhập cá nhân	80.369.653	1.425.648.645	1.521.390.235	(15.371.937)
Thuế tài nguyên	5.085.120	53.271.560	53.873.960	4.482.720
Thuế nhà đất	-	36.683.918	36.683.918	-
Tiền thuê đất	-	1.163.704.373	1.585.685.222	(421.980.849)
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí	-	691.123.001	691.123.001	-
Tổng cộng	2.333.361.585	26.261.823.017	17.921.065.352	10.674.119.250

(*) Xem chi tiết tại thuyết minh VI.08 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Số thuế phải nộp của doanh nghiệp chưa được cơ quan thuế quyết toán. Số thuế trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

14. Chi phí phải trả**Ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trích trước chi phí thuê dịch vụ công nghệ thông tin	3.326.020.596	-
Trích trước chi phí thuê thiết bị	948.508.000	-
Trích trước chi phí tiền điện	879.943.733	-
Tổng cộng	5.154.472.329	-

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN CÔNG VIÊN PHẦN MỀM QUANG TRUNG

Số 97 - 101 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B09-DN*(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

		Số cuối năm	Số đầu năm
15. Phải trả khác			
a. Ngắn hạn			
Phải trả về xây dựng cơ bản		218.761.100	528.230.100
Cổ tức, lợi nhuận phải trả		14.189.537.731	-
Quỹ ĐTPT chưa sử dụng phải nộp về Chủ sở hữu		10.041.410.456	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác		468.410.778	797.319.643
Tổng cộng		24.918.120.065	1.325.549.743
Trong đó, phải trả ngắn hạn bên liên quan		Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng Công Ty Công Nghiệp Sài Gòn - Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên		24.230.948.187	-
Tổng cộng		24.230.948.187	-
b. Dài hạn			
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn		4.562.566.800	7.968.726.640
<i>Công ty TNHH Hitachi Vantara Việt Nam</i>		<i>2.113.502.400</i>	<i>3.548.060.640</i>
<i>Công ty TNHH Vietnam Concentrix Services</i>		<i>2.449.064.400</i>	<i>2.620.054.000</i>
<i>Chi Nhánh Công ty TNHH KDDI Việt Nam tại khu Công Viên Phần Mềm Quang Trung Thành Phố Hồ Chí Minh</i>		-	<i>1.800.612.000</i>
Các khoản phải trả, phải nộp khác		8.805.361.895	10.913.609.432
Tổng cộng		13.367.928.695	18.882.336.072
16. Vay và nợ thuê tài chính			
a. Ngắn hạn	Loại tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Tân Bình	VND	9.348.000.000	9.348.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương	VND	12.004.000.000	6.516.000.000
Nợ thuê tài chính	VND	994.761.180	994.761.180
Tổng cộng		22.346.761.180	16.858.761.180
<i>Đây là phần đến hạn trả của các khoản vay dài hạn.</i>			
b. Dài hạn	Loại tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Tân Bình (*)	VND	77.146.455.895	86.494.455.895
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương (**)	VND	28.882.656.742	20.854.000.000
Nợ thuê tài chính (***)	VND	911.864.371	1.906.625.551
Tổng cộng		106.940.977.008	109.255.081.446

(*) Khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình theo Hợp đồng tín dụng số 242/TBN-KDN/15TH ngày 22 tháng 09 năm 2015.

(**) Khoản vay của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương theo Hợp đồng tín dụng số 53/2017/HĐTNTL-PN ngày 07 tháng 11 năm 2017, Hợp đồng tín dụng số 26/2018/HĐTNTL-PN ngày 28 tháng 08 năm 2018 và Hợp đồng tín dụng số 27/2019/HĐTNTL-PN ngày 04 tháng 07 năm 2019:

(***) Hợp đồng thuê tài chính số 21818000157 ngày 26 tháng 10 năm 2018 với Công ty cho thuê Tài chính TNHH BIDV-Sumi Trust - Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh. Đợt thanh toán cuối cùng của lịch trả nợ đính kèm theo hợp đồng là ngày 19 tháng 11 năm 2023.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN CÔNG VIÊN PHÁT TRIỂN PHẦN MỀM QUANG TRUNG

Số 97 - 101 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B09-DN

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Vốn chủ sở hữu							
a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu							
Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (*)	Quỹ đầu tư phát triển (*)	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Tổng cộng	
Số dư đầu năm trước	154.779.000.000	-	-	43.666.664.317	-	198.445.664.317	
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	18.142.431.526	-	18.142.431.526	
- Lãi trong năm trước	-	33.020.408.794	-	-	-	33.020.408.794	
- Trích lập các quỹ	-	(19.025.122.638)	9.906.122.638	-	-	(9.119.000.000)	
Số dư đầu năm nay	154.779.000.000	13.995.286.156	9.906.122.638	61.809.095.843	-	240.489.504.637	
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	482.310.000	-	482.310.000	
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	(9.906.122.638)	-	-	(9.906.122.638)	
- Lãi trong năm nay	-	33.471.368.187	-	-	-	33.471.368.187	
- Trích lập các quỹ	-	(19.281.830.456)	-	-	-	(19.281.830.456)	
- Phân phối lợi nhuận	-	(28.184.823.887)	-	-	-	(28.184.823.887)	
Số dư cuối năm nay	154.779.000.000	-	-	62.291.405.843	-	217.070.405.843	

(*) Theo Biên bản thanh tra của Bộ tài chính ngày 13 tháng 05 năm 2021 thì toàn bộ Quỹ đầu tư phát triển chưa sử dụng, Lợi nhuận sau thuế và trích lập các quỹ phải kết chuyển hết vào khoản phải khác cho Công ty mẹ tối hậu.



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN CÔNG VIÊN PHẦN MỀM QUANG TRUNG

Số 97 - 101 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B09-DN*(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	154.779.000.000	154.779.000.000
+ Vốn góp cuối năm	154.779.000.000	154.779.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận nộp cho Công ty mẹ	13.995.286.156	7.231.706.059

c. Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	-	9.906.122.638
- Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	12.953.996.809	11.418.637.183
Tổng cộng	12.953.996.809	21.324.759.821

18. Nguồn kinh phí

Nguồn kinh phí đầu năm

Nguồn kinh phí còn lại cuối năm

	Năm nay	Năm trước
Nguồn kinh phí đầu năm	44.943.846.602	44.943.846.602
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	44.943.846.602	44.943.846.602

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.*Đơn vị tính: VND***1. Doanh thu bán hàng****Doanh thu**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng cộng

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	337.174.373.132	328.179.323.850
Tổng cộng	337.174.373.132	328.179.323.850

Trong đó, Doanh thu đối với các bên liên quan*(Chi tiết tại mục VII. Thuyết minh các bên liên quan)*

1.374.398.431

1.154.728.646

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

-

-

3. Giá vốn hàng bán

Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp

Tổng cộng

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp	263.297.669.556	257.848.740.858
Tổng cộng	263.297.669.556	257.848.740.858

4. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi, tiền cho vay

Cổ tức, lợi nhuận được chia

Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện

Doanh thu hoạt động tài chính khác

Tổng cộng

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.184.461.336	2.653.437.805
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.705.544	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.616	7.656
Doanh thu hoạt động tài chính khác	83.808.219	168.252.055
Tổng cộng	1.271.982.715	2.821.697.516

5. Chi phí tài chính

Lãi tiền vay

Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện

Tổng cộng

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	6.255.877.723	4.597.851.500
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	51.109.528	9.663.905
Tổng cộng	6.306.987.251	4.607.515.405

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN CÔNG VIÊN PHẦN MỀM QUANG TRUNG

Số 97 - 101 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B09-DN*(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Năm nay	Năm trước
6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
a. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	2.050.607.664	2.119.895.222
Chi phí đồ dùng văn phòng	27.440.942	80.231.802
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.695.241.776	2.118.719.567
Chi phí bằng tiền khác	117.043.181	161.219.925
Tổng cộng	3.890.333.563	4.480.066.516
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	15.367.326.916	16.027.259.347
Chi phí đồ dùng văn phòng	611.368.349	1.159.882.205
Chi phí khấu hao TSCĐ	296.524.536	193.048.116
Thuế, phí và lệ phí	109.220.879	136.063.563
Chi phí trích quỹ khoa học và công nghệ và dự phòng	3.390.000.000	2.000.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.417.334.148	3.870.290.489
Chi phí bằng tiền khác	349.663.949	205.448.114
Tổng cộng	23.541.438.777	23.591.991.834
7. Thu nhập khác		
Thanh lý tài sản	33.090.909	161.818.182
Tiền phạt thu được	429.729.390	685.061.184
Các khoản khác	18.628.743	25.637.973
Tổng cộng	481.449.042	872.517.339
8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.		
Chi phí thuế TNDN hiện hành trong kỳ được ước tính như sau:		
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận trước thuế	41.875.931.225	41.311.591.885
Các khoản làm tăng thu nhập chịu thuế	146.883.967	144.323.571
Các khoản chi phí không được trừ	146.883.967	144.323.571
Lợi nhuận chịu thuế ước tính	42.022.815.192	41.455.915.456
Thuế suất thuế TNDN áp dụng trong kỳ	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính trong kỳ	8.404.563.038	8.291.183.091
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	2.712.369.615	2.415.280.924
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(6.336.045.296)	(7.994.094.400)
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ	4.780.887.357	2.712.369.615

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN CÔNG VIÊN PHẦN MỀM QUANG TRUNG

Số 97 - 101 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B09-DN*(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Năm nay	Năm trước
9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	76.688.026.550	99.682.113.346
Chi phí nhân công	43.600.754.723	43.853.165.153
Chi phí khấu hao tài sản cố định	31.602.725.591	34.743.075.760
Thuế, phí và lệ phí	109.220.879	136.063.563
Chi phí trích quỹ khoa học và công nghệ và dự phòng	3.390.000.000	2.000.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	134.813.245.470	105.039.852.464
Chi phí bằng tiền khác	525.468.683	466.528.922
Tổng cộng	290.729.441.896	285.920.799.208

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Sau ngày kết thúc niên độ tài chính 2021 đến ngày lập Báo cáo tài chính không có sự kiện bất thường nào xảy ra.

2. Thông tin về các bên liên quan

Công ty có các mối liên hệ với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công Ty Công Nghiệp Sài Gòn - Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên	Công ty mẹ tối hậu
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Phần mềm Quang Trung	Công ty liên kết
Công ty TNHH Ươm tạo Doanh nghiệp Phần mềm Quang Trung	Công ty con

a. Nghiệp vụ với các bên liên quan

Trong năm, các nghiệp vụ sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

i) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Công ty mẹ tối hậu	457.843.000	683.000.000
Công ty con	916.555.431	987.527.486
Tổng cộng	1.374.398.431	1.670.527.486

ii) Lợi nhuận còn lại phải chuyển về Công ty mẹ

	Năm nay	Năm trước
Năm nay	14.189.537.731	-
Năm trước	-	-
Tổng cộng	14.189.537.731	-

iii) Lợi nhuận còn lại đã chuyển về Công ty mẹ

	Năm nay	Năm trước
Công ty mẹ tối hậu	13.995.286.156	7.231.706.059
Tổng cộng	13.995.286.156	7.231.706.059

iv) Quỹ đầu tư phát triển chưa sử dụng chuyển về Công ty mẹ

	Năm nay	Năm trước
Năm nay	10.041.410.456	-
Năm trước	-	-
Tổng cộng	10.041.410.456	-

v) Quỹ đầu tư phát triển đã chuyển về Công ty mẹ

	Năm nay	Năm trước
Công ty mẹ tối hậu	9.906.122.638	17.619.370.682
Tổng cộng	9.906.122.638	17.619.370.682



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN CÔNG VIÊN PHẦN MỀM QUANG TRUNG

Số 97 - 101 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B09-DN*(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***b. Số dư cuối năm với các bên liên quan****i) Phải thu khách hàng**

Công ty mẹ tối hậu

Công ty con

Tổng cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
115.500.000	115.500.000
20.867.541	29.067.008
136.367.541	144.567.008

ii) Phải trả người bán

Công ty liên kết

Tổng cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
1.043.064.570	3.534.507.645
1.043.064.570	3.534.507.645

iii) Phải trả ngắn hạn khác

Công ty mẹ tối hậu

Tổng cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
24.230.948.187	
24.230.948.187	

Ngày 31 tháng 12 năm 2021


ĐOÀN THỊ TUYẾT NHUNG

Người lập biểu


ĐẶNG NGUYỄN KIM TÙNG

Kế toán trưởng

**LÂM NGUYỄN HẢI LONG**

Giám đốc

